

#### PHẦN 4: NGỘ NHẬP CÁC PHÁP SỞ TRI

Ở trên đã nói về sắc thái của các pháp sở tri, còn sự ngộ nhập các pháp sở tri thì nên nhận thấy như thế nào? Nên biết chỗ nương tựa của sự huân tập đa văn chẳng phải thuộc về sự thu nhiếp của A-lại-da mà vẫn như A-lại-da huân tập thành chủng tử. Nó cũng như thuộc về sự tác ý đúng lý tạo ra nơi kiến phần của ý thức cái ấn tượng tương tự với pháp và nghĩa.

Tuy nhiên, ở đây ai là người có thể ngộ nhập các pháp sở tri? Là vị Bồ-tát có sự huân tập liên tục của sự đa văn pháp nghĩa đại thừa, đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở thế gian, đã đạt đến thắng giải một điều chắc chắn, đã khéo huân tập các thiện căn tức là khéo thành tựu đầy đủ hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ.

Vậy ở vị trí nào có khả năng ngộ nhập được? Là chính ý thức mà kiến phần có ấn tượng tương tự pháp và nghĩa của đại thừa, do pháp và nghĩa của đại thừa đặng lưu sinh ra, trải qua địa vị hành giải, địa vị kiến đạo, địa vị tu đạo và địa vị cứu cánh, đối với đạo lý các pháp duy thức nó thắng giải theo đa văn, thông suốt rất đúng lý, đối trị các chướng ngại và thoát ly các chướng ngại.

Ở đây, do yếu tố nào mà ngộ nhập được? Do sức mạnh gìn giữ của thiện căn, do ba việc luyện tập tâm chí và vứt bỏ bốn sự và nương theo pháp và nghĩa của đại thừa nên chỉ và quán được thiết tha nỗ lực không có phóng dật. Vô số người trong vô lượng thế giới, mỗi sát-na đều có người chứng được vô thượng Bồ-đề. Đó là sự luyện mài tâm chí thứ nhất. Do ý lạc này mà tu tập đạt được pháp lục độ tức nói ta đã có ý lạc này thì nhờ đó ta dụng công thêm chút nữa sẽ tu được viên mãn về lục độ. Đó là sự luyện mài tâm chí thứ hai. Những người có điều thiện còn bị chướng ngại vậy mà chết rồi vẫn được sanh ra với cái tự thể khả ái, hướng chi ta có điều thiện vi diệu không còn chướng ngại thì tại sao không được kết quả viên mãn. Đó là sự luyện mài tâm chí thứ ba. Trong đây có ba bài kệ làm chứng cứ:

*Chúng sanh thuộc cõi người  
Có thể giới vô lượng  
Mỗi niệm chứng đặng giác  
Nên không còn thối khuất  
Người ý vui tâm tịnh  
Giỏi tu hành sáu độ  
Đã có được ý ấy*

*Nên tu hành sáu độ  
Người thiện khi chết rồi  
Được mãn ý vui thích  
Thẳng thiện do đoạn sạch  
Viên mãn sao không thành?*

Nên biết do xa lìa tác ý của Thanh-văn và Độc giác mà đoạn trừ sự tác ý. Do vĩnh viễn dứt bỏ sự hoài nghi của các trí khác mà tách rời mọi sự hoài nghi về đại thừa. Do dứt bỏ pháp chấp mà xa lìa khỏi ngã và ngã sở trong giáo pháp được nghe và được nghĩ. Do dứt bỏ phân biệt mà xa lìa tác ý phân biệt đối với mọi hiện lượng hiện tiền đã được xác lập. Trong đây có một bài tụng nói:

*Hiện tiền tự nhiên sống  
Với hiện tượng xác lập  
Người trí không phân biệt  
Chúng Bồ-đề tối thượng.*

Do cái gì và làm thế nào để được ngộ nhập? Do cái ý thức được chủng loại đa văn huân tập thuộc về tác ý đúng lý mà kiến phần của nó có cái ấn tượng tương tự pháp và nghĩa. Do bốn thứ tâm tư nghĩa là do tự tánh danh nghĩa và sai biệt mà giả lập làm tâm tư. Bốn thật trí là biết chắc chỉ là giả thiết về tự tánh danh, nghĩa, và sai biệt. Cả bốn tâm tư và bốn thật trí như vậy đồng là không thể nắm bắt. Chư vị Bồ-tát muốn nhập duy thức đúng như thật thì nên nỗ lực mà tu tức đem ý thức có ấn tượng tương tự về danh và nghĩa mà suy tìm danh chỉ là ý thức; suy tìm nghĩa dựa vào danh cũng chỉ là ý thức; suy tìm tự tánh sai biệt của danh và nghĩa cũng chỉ là giả thiết. Bao giờ chứng được duy thức thì bấy giờ chứng biết danh nghĩa tự tánh sai biệt toàn là không thật, đều là không thể nắm bắt. Như vậy, do bốn thứ tâm tư và bốn thật trí mà chính nơi ý thức có ấn tượng tương tự danh và nghĩa mà ngộ nhập được đạo lý duy thức.

Trong sự ngộ nhập duy thức nói trên thì là ngộ nhập cái gì? Ngộ nhập thế nào? Ngộ nhập duy thức có hai phần tướng kiến và nhiều loại. Nghĩa là ngộ nhập danh, tự tánh của danh, sai biệt của danh, giả, tự tánh của nghĩa, sai biệt của nghĩa. Sáu thứ như vậy toàn là không thật, toàn là năng thủ và sở thủ, hiện tiền sanh khởi một lúc nhiều loại tướng nghĩa tương tự sinh khởi như trong bóng tối thì sợi dây hiện ra như là con rắn. Nhưng trên sợi dây, con rắn là không thật vì nó vốn dĩ hoàn toàn không có. Biết con rắn là không tức cái biết con rắn tuy mất mà cái biết về sợi dây vẫn còn. Nếu phân tích kỹ thì sợi dây cũng giả dối vì chỉ có

sắc, thanh, hương, vị, xúc hợp thành. Nếu biết như vậy thì cái biết về sợi dây cũng mất. Do đó, khi ý thức có ấn tượng sáu tướng về danh và nghĩa nó dẹp bỏ sáu tướng không thật thì cái biết duy thức như cái biết sợi dây cũng sẽ được loại bỏ - loại bỏ do cái biết về tự tánh viên thành thật.

Vị Bồ-tát như vậy ngộ nhập cái ấn tượng tương tự như thật có của ý thức nên ngộ nhập biến kế sở chấp tánh. Do ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập Y tha khởi tánh. Vậy tánh viên thành thật thì ngộ nhập như thế nào? Nếu đã loại bỏ ý tưởng về duy thức vốn thuộc chủng loại đa văn huân tập của ý thức thì bấy giờ Bồ-tát đã loại bỏ ấn tượng thật có. Do mọi ấn tượng tương tự như thật có không thể phát sanh nên cái ý tưởng duy thức cũng không sanh khởi được. Vì lý do ấy ở trong mọi nghĩa đều không có danh riêng biệt, sống thích ứng với sự hiện thấy trong pháp tánh. Bấy giờ là Bồ-tát phát khởi cái trí bình đẳng không phân biệt năng tri, sở tri. Do đó mà vị Bồ-tát này được gọi là đã ngộ nhập tánh viên thành thật. Trong đây có bài kệ được dẫn làm chứng cứ:

*Pháp Bồ-đặc-già-la  
Nghĩa lý thật rộng lớn  
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh  
Gọi sở hành sai biệt.*

Như vậy là Bồ-tát đã ngộ nhập duy thức tánh, nghĩa là ngộ nhập ba tướng sở tri. Ngộ nhập như vậy là nhập vào địa Cực hỷ khéo thông đạt pháp giới, được sanh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, tâm bình đẳng đối với Bồ-tát, tâm bình đẳng đối với tất cả chư Phật. Và đó là địa vị kiến đạo của Bồ-tát.

Lại nữa, vì lợi ích chân thật nào mà ngộ nhập duy thức tánh? Do trí chỉ quán vô lậu nương theo tổng tướng của giáo pháp đại thừa và do trí hậu đắc của trí trên cái trí bám theo các thứ tướng thức nên ngộ nhập duy thức để diệt trừ chủng tử vừa là nguyên nhân vừa là sở duyên nội A-lại-da thức, làm lớn thêm những chủng tử chứng đắc pháp thân, chuyển đổi cái sở y, chứng được toàn thể Phật pháp, chứng đắc trí của nhất thiết trí nhập Duy thức tánh. Hơn nữa, hậu đắc trí nhận thức mọi tướng được nhận thức đều phát sinh từ A-lại-da là như ảo thuật. Do nhận thức không tán loạn, nên giống như nhà ảo thuật nhìn vào những trò ảo thuật. Bồ-tát nhìn vào mọi tướng được nhận thức và trình bày đạo lý nhân quả luôn luôn không có điên đảo.

Trong đây, khi ngộ nhập duy thức thì có bốn thứ Tam-ma-địa làm chỗ dựa cho bốn thứ thuận với phần quyết trạch. Nên nhận thức như thế

nào? Nên nhận thức như các đề mục sau:

1. Do bốn thứ tầm tư mà trong Nhẫn các pháp không thật thuộc bậc thấp có Tam-ma-địa được sáng suốt, đó là chỗ dựa của Noãn thuận với phần quyết trạch.

2. Trong Nhẫn các pháp không thật thuộc bậc cao có định sáng suốt hơn, đó là chỗ nương tựa của Đảnh thuận với phần quyết trạch.

3. Do bốn thứ thật trí đã ngộ nhập duy thức, đã quyết Tam-ma-địa về các pháp không thật mà có Tam-ma-địa nhập vào một phần chân thật đó là chỗ nương tựa của Nhẫn thuận với chân thật.

4. Do các Tam-ma-địa trên vô gián nên dẹp bỏ ý tưởng về duy thức và có Tam-ma-địa vô gián, đó là chỗ nương tựa của Thế đệ nhất. Tuy nhiên, phải biết các thứ định trên đây đều đang ở chỗ bên cạnh hiện quán. (Hiện quán biên)

Bồ-tát như vậy là đã bước vào các địa, đã đến địa vị kiến đạo, đã ngộ nhập duy thức. Vậy trong địa vị tu đạo thì phải tu hành như thế nào? Đối với giáo pháp mười địa đức Phật dạy là đã thống nhiếp các kinh và cùng với hiện tiền. Bồ-tát do cả hai phần căn bản và hậu đắc của cái trí chỉ quán gắn liền tổng tướng giáo pháp ấy, luôn luôn tu tập trong vô lượng kiếp nên được chuyển y. Do để chứng được ba loại thân của Phật nên Bồ-tát không ngừng tiến tu.

Hiện quán của Thanh-văn và hiện quán của Bồ-tát có gì khác nhau? Hiện quán của Bồ-tát khác với hiện quán của Thanh-văn là do mười một thứ khác nhau nên biết như sau:

1. Do sở duyên mà khác nhau tức là lấy giáo pháp đại thừa mà làm sở duyên.

2. Do nuôi giữ mà khác nhau tức là do hai loại tư lương phước đức và trí tuệ làm yếu tố nuôi giữ.

3. Do thông suốt mà khác nhau tức là thông suốt cả nhân (người) vô ngã và pháp vô ngã.

4. Do Niết-bàn mà khác nhau tức là nhiếp thọ đại Niết-bàn làm vô trú.

5. Do địa vị mà khác nhau tức là dựa vào mười địa mà xuất ly.

6,7. Do thanh tịnh mà khác nhau tức là dứt sạch tập khí phiền não thanh tịnh cõi Phật.

8. Do bình đẳng mà khác nhau tức là được cái tâm bình đẳng đối với mình và người, sự nỗ lực thành tựu chúng sanh không bao giờ ngừng nghỉ.

9. Do chỗ sinh mà khác nhau tức là sanh vào nhà Như Lai.

10. Do thọ sanh mà khác nhau tức là thường sanh trong các tập hội lớn của chư Phật.

11. Do kết quả mà khác nhau tức là mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng, và vô số công đức của Phật như vậy đều được thành tựu viên mãn.

Trong đây có hai bài tụng được dẫn ra làm chứng cứ:

*Danh nghĩa cùng làm khách  
Tánh ấy nên tầm tư  
Trong hai pháp suy xét  
Chỉ thức và giả danh  
Thật trí quán không thật  
Chỉ ba loại phân biệt  
Kia không nên đây không  
Thì ngộ nhập ba tánh.*

Lại nữa, có hai bài tụng để giảng dạy và thọ trì như luận Phân biệt Du-già đã nói:

*Bồ-tát ở trong định  
Quán cảnh chỉ là tâm  
Tướng nghĩa đã diệt trừ  
Quán xét có tâm mình  
Như vậy trụ nội tâm  
Biết sở thủ không có  
Kế năng thủ cũng không  
Sau cùng vô sở đắc.*

Hơn nữa, lại có năm bài tụng nói về hiện quán như luận đại thừa Trang nghiêm kinh nói:

*Hai loại phước đức và trí tuệ  
Bồ-tát có đủ không giới hạn  
Đối pháp tư duy đã quyết trạch  
Nên biết nghĩa pháp chỉ danh ngôn  
Nếu biết ý nghĩa chỉ danh ngôn  
Liên trụ đạo lý chỉ là tâm  
Và giới hiện chứng chân pháp giới  
Do vậy hai tướng đều diệt trừ  
Trí thể lìa tâm không cảnh riêng  
Do vậy nội tâm cũng không có  
Người trí hiểu cả hai đều không  
Bình đẳng trụ pháp tánh không hai*

*Người tuệ nương vô phân biệt trí  
Luôn thuận hành bình đẳng biến khắp  
Diệt hết khối u của lầm lỗi  
Tựa như thuốc hay tiêu các độc  
Diệu pháp Phật dạy khéo thiết lập  
Tuệ giác bén rễ trong pháp giới  
Biết ý niệm, nghĩa thú chỉ phân biệt  
Dững mãi quay về bờ biển đức.*

-----